

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
Tập 306**

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 27.02.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 359, hàng thứ 6. Chúng ta bắt đầu đọc từ đây, đây là một đoạn nhỏ.

“Nhu Duy Ma Kinh trung chi bảo thủ dữ diêu bích nhị Bồ Tát. La Thập đại sư viết, bảo thủ giả, thủ trung năng xuất vô lượng trân bảo dã. Hựu vân, dĩ thí báo cố. Thủ xuất vô tận vật bảo, như ngũ hà lưu, cố danh diêu bích”. Ở trước chúng ta đã học đến đây.

Bên dưới “*Nghĩa Tịch sư phán thử vi thập địa Bồ Tát chi hành, dĩ trí độ thành cố*”. Đứng về mặt nghĩa kinh mà xem. Trong kinh Hoa Nghiêm nói đây là cảnh giới sự sự vô ngại, chắc chắn không phải người thường có thể làm được. Pháp thân đại sĩ mới có năng lực này. Hành thập địa Bồ Tát và thập độ đã viên mãn. Trong Kinh Hoa Nghiêm đem thập ba la mật phối hợp với thập địa Bồ Tát. Sơ địa Bồ Tát bố thí ba la mật. Nhị địa Bồ Tát trì giới ba la mật. Tam địa Bồ Tát nhẫn nhục ba la mật. Lục độ phía sau còn thêm phương tiện, nguyện, lực, trí. Địa thứ mười sau cùng là trí ba la mật. “Trí độ thành cố”, nghĩa là đã tu viên mãn thập ba la mật, mới có năng lực này.

“Diệu trí dung thông, cố tùy ý vô ngại”. Tùy ý ở đây không phải tùy ý của Bồ Tát. Bồ Tát không có ý, điều này nhất định phải nhớ. Bồ Tát không có phiền não, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, tùy theo ý của chúng sanh. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm ưng sở tri lượng”. Tự nhiên xuất hiện không có chút miễn cưỡng nào. Chúng sanh muốn cầu điều gì thì tự nhiên hiện ra điều đó. Đây mới thật sự gọi là đại tự tại.

“Tịnh Ảnh viết, thủ xuất cúng cụ, cúng dường chư Phật”. Ngài Huệ Viễn đời nhà Tùy, trong chú giải Ngài nói trong tay hiện ra công cụ để cúng dường. Trên cúng chư Phật. Công cụ cúng dường này từ đâu mà có? Chắc chắn không phải từ Phật sanh ra. Tâm Phật thanh tịnh, tịch nhiên bất động. Tâm Bồ Tát cũng thanh tịnh. Phật và Bồ Tát đều ở trên sân khấu biểu diễn, chúng ta biết là

các ngài biểu diễn cho mọi người xem, không sai chút nào. Những vị Bồ Tát này đều là pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo trang nghiêm. Các ngài diễn xuất như vậy là để chúng sanh trong mười pháp giới xem. Nói cách khác là giáo hoá chúng sanh trong mười pháp giới. Phải đem tâm chí thành cung kính cúng dường Tam Bảo và phổ thí chúng sanh. Chính là ý này. Nên những thứ công cụ cúng dường này hầu như mỗi thứ đều có. Như hương hoa, bảo cái cần thứ gì có thứ đó. Công cụ trang nghiêm của tất cả chúng sanh trong mười pháp giới, đều xuất hiện trong tay Bồ Tát. Chúng sanh trong mười pháp giới đều nhìn thấy, họ cũng đã học được. Học được hiểu dưỡng phụ mẫu, học được phụng sự sư trưởng, học được cúng dường chư Phật, học được bố thí chúng sanh. Chúng sanh bao gồm hữu tình và vô tình đồng viên chủng trí.

“*Nghĩa Tịch vân, thí chư hữu tình, cúng dường Tam Bảo*”. Cúng dường Tam bảo là thế gian trú trì Tam bảo. Đức Phật không còn trú thế, chỉ còn tượng Phật và Bồ Tát. Điều khắc tượng Phật cũng tốt, đắp tượng Phật cũng tốt, họa tượng Phật cũng được. Cúng dường tượng Phật, cúng dường tượng Bồ Tát, tượng A la hán. Đây là cúng dường Phật bảo và Tăng bảo, lưu thông kinh giáo là cúng dường Pháp bảo. Đức Thế Tôn tại thế là thì nương Phật làm thầy, Phật không tại thế thì nương pháp làm thầy. Nương pháp làm thầy chính là lấy dạy học làm thầy. Điều này nhất định cần phải biết.

Kinh điển nếu không có dạy học, chỉ đọc mà không biết ý nghĩa. Như vậy nó sẽ không khởi tác dụng. Không những cần phải hiểu ý nghĩa của kinh điển, mà còn phải thâm nhập kinh tạng. Vì sao? Bởi nó giúp chúng ta khai ngộ. Nó giúp ta minh tâm kiến tánh. Đọc hằng ngày, nếu biết đọc cũng được. Then chốt là ở chỗ có biết đọc hay không. Then chốt học tập kinh điển cũng ở chỗ biết học hay không biết. Người biết học sẽ không chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng danh tự, không chấp trước tướng tâm duyên, đây gọi là biết học. Người biết đọc là đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục, đây là biết đọc. Người biết đọc biết học đều được tam muội, đều được khai ngộ, đều có thể minh tâm kiến tánh, đây thật sự bảo.

Nên thời xưa kinh điển hoàn toàn viết tay. Khi viết kinh, viết một chữ là đi rửa tay một lần. Cổ nhân thành kính đến mức độ này đây. Bây giờ còn như vậy chăng? Còn. Tôi nhìn thấy một người. Tôi thấy mọi người lớn tuổi, ông ta đã trên 70 tuổi. Ông viết kinh cũng là một chữ rửa tay một lần. Ông họ Trương Trương lão cư sĩ. Tôi gặp ông ở Uân Ca Hoa Canada. Tôi mời ông ta viết bộ Tịnh Độ Ngũ Kinh. Ông mất khoảng hai năm để hoàn thành bộ kinh này. Đây là Pháp bảo. Làm điều này không có tâm chân thành cung kính là

không được. Bây giờ kỹ thuật in ấn phát đạt, chúng tôi đem bộ kinh này in ra. Lúc đó in số lượng không nhiều. Ở chỗ tôi còn có khoảng mười mấy bộ, tôi nghĩ chúng tôi sẽ đem đến Đài Loan để tái bản.

Thời kỳ mạt pháp chúng sanh được độ hoàn toàn nhờ vào Pháp bảo. Hiếm có, có được bộ kinh viết tay người ta viết rất cung kính. Sau này có thể tìm được người như vậy chăng? Rất hiếm. Thật sự có tâm cung kính này nhưng chữ viết không đẹp. Còn chữ viết đẹp thì lại không có tâm cung kính. Chúng ta đối với pháp bảo cần phải cung kính. Pháp bảo nhất định phải trang nghiêm. Không được sơ suất, không được tùy tiện. Ngày nay kỹ thuật in ấn tiến bộ, giá thành cũng thấp hơn trước rất nhiều. Lần này chúng tôi in một bộ bìa cứng Quần Thư Trị Yếu. Giá ở Đài Loan là hai nghìn bốn trăm, còn nhân dân tệ thì 600. Khiến người khác cầm trên tay là sanh tâm hoan hỷ. Chúng ta làm không được điều này là có lỗi với pháp bảo, như vậy pháp bảo mới có thể vĩnh viễn truyền về sau. Người ta cầm trên tay cảm thấy trân quý, nên khi mở kinh ra đọc không thể không cung kính. Nhìn thấy cuốn kinh trang nghiêm như vậy có thể không cung kính sao? Không thể xem nó như báo và tạp chí. Hãy nhớ lời của Ấn Quang đại sư, mười phần cung kính thì được mười phần lợi ích. Không có tâm cung kính thì mở kinh ra cũng không có lợi ích.

“Diệu trí dung thông, tùy ý vô ngại”. Chúng ta không làm được, nhưng ta có thể làm được tương tự như vậy. Chúng ta bắt chước, họ là thật, chúng ta là giả. Nhưng giả cũng giống thật, vì chúng ta bắt chước cái thật. Ngày nay chúng ta nhân lúc khoa học vẫn còn ở thế gian, thì nên lợi dụng những công cụ này, lợi dụng internet để cùng học tập với mọi người trên toàn thế giới. Lợi dụng vệ tinh, lợi dụng số lượng lớn băng đĩa lưu thông. Nghĩa kinh rất thâm sâu, hương vị của nó cũng vô cùng, đó là pháp vị. Không nỗ lực học tập thì không thể thưởng thức được. Siêng năng học tập sau đó chia sẻ với người khác, hương vị sẽ không giống nhau. Vì sao? Bởi ta đã nếm được pháp vị, mới có thể nói ra được. Nếu chưa nếm được làm sao có thể nói ra được?

Thật sự đã nếm được pháp vị, tôi biết rằng tâm quý vị thanh tịnh. Vì sao? Tâm không thanh tịnh thì không nếm được. Thưởng thức được pháp vị, chắc chắn là tâm địa đã được thanh tịnh. Phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng. Nên khi ứng dụng trí huệ này, bố thí cho hữu tình và cúng dường tam bảo đều có phương tiện thiện xảo. Những việc ta làm sẽ khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Tự mình chẳng thể không có tâm hoan hỷ. Có tâm hoan hỷ, tâm hoan hỷ sẽ không sanh phiền não. Khiến những người chưa tiếp xúc Phật pháp, hoặc là vừa mới tiếp xúc Phật pháp chưa lâu, công phu chưa đến đâu. Những

người này sanh tâm hoan hỷ, giúp họ nâng cao cảnh giới. ĐỂ Phật pháp giúp những chúng sanh này phá mê khai ngộ.

Mê muội sanh ra phiền não, phiền não dẫn đến đau khổ. Khai ngộ sẽ lìa khổ được vui. Khai ngộ họ sẽ buông bỏ chấp trước. Khai ngộ họ sẽ không còn đối lập với tất cả chúng sanh. Sẽ không có mâu thuẫn, không có đấu tranh. Giúp xã hội này an định ấm êm, giúp chúng sanh được hạnh phúc mỹ mãn. Đây là Phật Bồ Tát cho đến đệ tử của ngài đều có thể làm được. Chỉ cần không từ bỏ kinh giáo. Nỗ lực siêng năng học tập một cách kiên trì, thì ta sẽ làm được.

“Tịnh Ảnh viết, thủ xuất cúng cụ, cúng dường chư Phật. Nghĩa tịch vân, thí chư hữu tình, cúng dường tam bảo. Khả kiến thủ trung sở xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, sở tu tối thượng chi vật, đoan vi thượng cúng dữ hạ thí dã”.

Thượng cúng trên thực tế vẫn là vì hạ thí. Chư Phật Bồ Tát chúng được đại viên mãn đại tự tại, các ngài còn cần những thứ này sao? Các ngài không cần điều gì cả. Vì sao chư vị Bồ Tát lại làm như vậy? Không có gì khác, chỉ có một dụng ý là dạy chúng sanh hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Dụng ý của các ngài là như vậy. Chư Phật Bồ Tát đang biểu diễn, đang diễn kịch cho chúng ta xem. Từ đó chúng ta thật sự học được phải phụng dưỡng cha mẹ như thế nào, phụng sự sư trưởng như thế nào. Đại Sư Ấn Quang nói, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Trên cúng dường mười phương Chư Phật, dưới bố thí cho tất cả chúng sanh. Đây là câu nói rất thực tiễn của đại sư Ấn Quang. Mười phần cung kính, nên làm như thế nào? Trong những sự tướng này đã hiển thị rất rõ.

“Nhu Đường Dịch vân, chư bảo hương hoa, tràng phan bảo cái, thượng diệu y phục, ẩm thực thang dược cấp chư phục tàng trần ngoạn sở tu, giai tòng Bồ Tát trung tự nhiên lưu xuất”. Từ trong tay Bồ Tát tự nhiên hiện ra. *“Phổ thí chúng sanh, lợi lạc hữu tình”.*

Đạo đức nhân lễ nghĩa mà các bậc thánh hiền nói đều thuộc về lễ. Các bậc cổ đức nói, thời đại tam hoàng thượng cổ lấy đạo trị nước, trị thiên hạ. “Đạo vô vi nhi vô sở bất vi, vô vi nhi trị”. Đến thời đại ngũ đế thì đạo không còn nữa, mà lấy đức trị thiên hạ. Sau thời ngũ đế đến tam vương, Tam vương là Hạ Thương Chu, đức cũng đã suy. Do đó hầu như là dùng nhân, lấy nhân từ để yêu thương con người. Dùng giáo dục yêu thương để trị thiên hạ. Đến Ngũ Bá thời đại Xuân Thu nhân đã suy yếu nên dùng nghĩa, thường nói đến nghĩa khí. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất. Tần Thủy Hoàng dùng pháp, luật pháp

rất nghiêm khắc. Được 15 năm thì mất nước và nhà Hán lên nắm quyền. Nhà Hán không dùng luật pháp mà dùng lễ. Hán Võ Đế áp dụng kiến nghị của Đổng Trọng Thư dùng học thuyết Khổng Mạnh, lấy lễ trị thiên hạ. Chế độ này kéo dài cho đến cuối đời nhà Thanh. Sau khi nhà Thanh mất thì lễ không còn. Người xưa nói, sau khi lễ mất thì thiên hạ loạn. Thật vậy thiên hạ đã đại loạn. Nên việc cúng dường này là thuộc về lễ mà Chư Phật Bồ Tát đã dạy chúng ta.

Lễ là của nhà Nho, trong Phật pháp chính là giới luật, chính là oai nghi, là luật nghi giới. Nếu học luật mà không giữ giới luật, cũng như cổ nhân nói sau khi mất lễ là thiên hạ đại loạn. Giới luật mất đi thì đạo Phật cũng loạn. Nếu loạn thì Phật cũng không còn. Phật trên thế gian này chỉ hữu danh vô thực. Người có thiện tâm nhìn thấy tình hình xã hội động loạn, Phật Giáo suy yếu dẫn đến nhân dân đau khổ. Như vậy thì làm sao để cứu mình cứu người? Bắt đầu từ căn bản của Nho giáo, Phật Giáo và Đạo giáo chính là cứu đời cứu Tôn giáo. Nếu không thể cứu từ gốc, thì chúng ta đã làm gì? Những điều ta làm không khác gì người thế gian, là đang hủy diệt tôn giáo, đang hủy diệt truyền thống văn hoá, là đang làm những việc này. Đây là điều mà chúng ta nhất định có thể nghĩ đến, sau đó tự nhiên sẽ có tánh cảnh giác cao.

Có tánh cảnh giác là sẽ biết, ngay trước mắt chúng ta chỉ có hai con đường. Một con đường hưng, và một con đường vong. Truyền thống văn hoá có thể phục hưng, giáo dục của Đức Phật có thể phục hưng là chúng ta đi trên con đường niết bàn. Còn nếu truyền thống văn hoá bị hủy diệt, giáo dục Đức Phật bị diệt là chúng ta đi con đường địa ngục. Không có sự lựa chọn, chỉ có hai con đường này. Chúng ta đi con đường nào? Chỉ cần phát tâm, không cần nghĩ đến tôi có bao nhiêu năng lực, có bao nhiêu trí huệ, đừng nghĩ những điều đó. Chỉ cần tận tâm tận lực mà làm thì công đức sẽ viên mãn. Như vậy thì dù thực tế không có năng lực. Người xưa nói: “lực bất tòng tâm”. Chỉ cần có tâm như vậy, nhất tâm tu tập thì công đức cũng đã viên mãn rồi. Vì một câu danh hiệu Phật đầy đủ đại viên mãn, công đức niệm Phật này thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta có thể làm được, đô nhiếp lực căn tịnh niệm tương tục. Như vậy là đã làm tâm gương tốt nhất cho người đời noi theo.

“U nhất thủ trung lưu xuất như thị, vô lượng vô biên chủng chủng tối thượng chi vật. Chánh hiển Hoa Nghiêm nhất đa tương tức, viên minh cụ đức chi huyền chỉ”.

Từ lý mà nói là tương ứng với kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn tương ứng. Hoàng Niệm Tổ đưa ra ví dụ này, để chúng ta đối với lý và sự trong kinh này tăng trưởng lòng tin. Đặc biệt là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn. Viên

minh cụ đức là tánh đức. Đây không phải là tu đức. Từ việc tu hành của chúng ta, tánh đức sẽ hiển lộ. Trong tay của chúng ta cũng như vậy. Chúng ta toàn tâm toàn lực chí thành cung kính mà làm, đó chính là vật tối thượng. Vì sao? Vì ta dùng tâm tối thượng. Vật của chúng ta là vật tối thượng.

Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có một câu chuyện như sau: Có một cô gái trẻ, gia cảnh thanh hàn, cuộc sống bần khổ, chỉ có hai đồng tiền. Nhưng cô ta thành tâm thành ý đến chùa để cúng dường Tam bảo. Hoà Thượng cầu phước cho cô. Vì sao? Hai đồng tiền của cô là viên minh cụ đức. Không chú trọng vật phẩm, mà chú trọng đến tâm của cô ấy. Sự chân thành và tâm cung kính đó, về sau cô gái trẻ này trở thành vương phi. Cô ta đem ngàn vàng, ngàn lạng vàng đến chùa cúng dường. Hoà thượng sai đệ tử tiếp đón, còn mình không ra. Cô ta cảm thấy rất ngạc nhiên nên tìm hoà thượng thưa hỏi. Vì sao khi con còn trẻ có hai đồng tiền mà sư phụ lại coi trọng như vậy. Hoà thượng nói, tâm của cô lúc đó và tâm bây giờ không giống nhau. Bây giờ cô làm Vương phi nên tâm ngạo mạn khởi lên, nên công đức của ngàn lạng vàng hôm nay không sánh bằng hai đồng tiền ngày xưa. Đây là bàn về tâm chứ không bàn về sự. Tâm là đáng quý nhất. Như vậy gọi là vật tối thượng. Hai đồng tiền đó là vật tối thượng. Ngàn lạng vàng cũng không thể sánh được.

Quý vị suy nghĩ tường tận đạo lý này sẽ hiểu. Hiểu được đạo lý này sẽ biết, vô lượng vô biên các vật tối thượng trong tay mỗi người chúng ta đều có. Nếu có tâm cung kính tối thượng, thì vật phẩm chính là vật tối thượng. Có thể cảm động chư Phật Bồ Tát. Nếu tâm chúng ta tạp loạn, vọng niệm, thì dù có cảm được bảy báu giá trị của thế gian, cũng không thể cảm động được Chư Phật Bồ Tát, thậm chí đến cả quý thần cũng không thể cảm động. Nếu thật sự hiểu được đạo lý này mới hiểu rằng ông trời rất công bằng. Tu phước không phải là việc làm của bậc đại phú trưởng giả, đến người bần cùng cơm không đủ ăn cũng có năng lực tu đại phước báo.

Chúng ta thấy trong kinh điển tiêu thừa, khi Đức Thế Tôn đi khát thực, trên đường gặp một người ăn xin rất đáng thương. Người ăn xin này gặp Phật cũng rất hoan hỷ vì biết rằng phước báo của Phật rất lớn. Nghĩ rằng mình xin được bát thức ăn này, người ta cho một bát thức ăn, ông ta liền đem cúng Phật. Trên thực tế bát thức ăn này rất khó ăn, bị thiu mùi vị đã thay đổi. Đây là chút tài sản duy nhất của người ăn xin, nhưng người ăn xin đã đem cúng dường Đức Phật.

Đức Phật đã chúc phúc cho ông không hề ghét bỏ ông ta. Ngài thấy tâm chân thành cung kính của ông ta nên đã tiếp nhận, điều này thật sự đã khiến vị

đó tăng trưởng phước báo. Người ăn xin đó mấy ngày sau thì qua đời, linh hồn được sanh lên cõi trời. Nhờ công đức cúng Phật này mà ông ta được lên trời hưởng phước. Chúng ta tin rằng Đức Thế Tôn quyết định không vọng ngữ, từng câu từng chữ ngài nói đều là chân thật. Nên vật tối thượng chính là tâm tối thượng.

Mời quý vị xem tiếp đoạn văn ở dưới. Đây là đoạn cuối “*thọ hoá phát tâm. Do thị nhân duyên, năng linh vô lượng chúng sanh giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm*”. Trong chú giải của Hoàng Niệm Tổ nói. Do thị nhân duyên là chỉ chung cho các nhân duyên thù thắng ở trên, có thể khiến cho tất cả chúng sanh được giáo hoá đều phát khởi tâm vô thượng bồ đề. Bồ Tát là người giáo hoá, chúng sanh là người được giáo hoá. Những vị Bồ Tát có thể giáo hoá này là pháp thân đại sĩ. Chúng ta nói đến pháp thân đại sĩ, nghĩa là gì? Ý nghĩa rất rõ ràng. Pháp thân đại sĩ là dùng chân tâm không dùng vọng tâm, chính là tâm chân thành viên mãn. Đại sư Ấn Quang nói, mười phần thành kính nhưng ngài còn viên mãn hơn cả mười phần. Mười phần có thể chưa phải là viên mãn.

Pháp thân Bồ Tát là phá vô minh chứng pháp thân. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Các ngài ở trong cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, ở đó là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là chân tâm sở hiện. Nên muôn sự muôn vật trong pháp giới này không suy yếu không thay đổi, nó bất sanh bất diệt. Chúng tôi chư Phật Bồ Tát dùng chân tâm đối với tất cả chúng sanh, còn tất cả chúng sanh dùng hư tình giả ý để báo đáp chư Phật Bồ Tát. Lời này không phải giả. Người học Phật rất nhiều nhưng người tin Phật rất ít. Người tin Phật rất nhiều nhưng người thật sự y giáo phụng hành không nhiều. Sự thật này ngay trước mắt chúng ta, chúng ta cần phải tự mình cố gắng phản tỉnh. Không cần để ý đến người khác, quan trọng nhất là chính mình. Mình là tin thật hay tin giả, là thật đã ngộ hay là đang mê hoặc. Điều này mới quan trọng.

Thật sự giác ngộ, thật sự niệm Phật. Thật sự giác ngộ là đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục. Ý nghĩa của câu này chính là buông bỏ vạn duyên. Nhất tâm chuyên niệm và chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Không hoài nghi, không xen tạp. Niệm Phật như vậy là một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, là trực tiếp tương thông với đức Phật. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Tuyệt đối không bị thế gian này ảnh hưởng. Bất luận là nghịch cảnh hay thuận cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều không ảnh hưởng ta niệm Phật, đây gọi là người biết niệm. Không ảnh hưởng

ta nghiên cứu giáo lý, đây gọi là người biết học. Người biết niệm Phật khẳng định vãng sanh, người biết niệm Phật chắc chắn khai ngộ.

Người nghe kinh nhiều nhưng người hiểu không nhiều. Người hiểu mà chịu thực hành lại càng ít. Chư Phật và Bồ Tát dùng chân tâm để dạy, học sinh cũng dùng tâm chân thành để tiếp thu. Như vậy nhất định sẽ được chư Phật Bồ Tát cảm hoá. Làm sao biết được? Họ đã phát tâm, đã thật sự hiểu, biết rằng điều này là tốt, là pháp tối thượng và là bảo tối diệu trong thế xuất thế gian. Chư Phật Bồ Tát đã truyền lại cho chúng ta. Đây là vô thượng diệu bảo trong thế xuất thế gian.

Tôi muốn phát tâm làm Phật, tôi muốn phát tâm cầu sanh tịnh độ. Đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Đối với thế gian này, đối với mười pháp giới chắc chắn không còn lưu luyến. Khi tâm vô thượng bồ đề thật sự đã phát, thì công đức phát tâm này thật không thể nghĩ bàn.

Phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức trong kinh Hoa Nghiêm nói rất tường tận.

“Thâm biểu Pháp Tạng đại sĩ, dĩ vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh. Nhất nhất giai xưng chân như pháp giới, thị cố nguyện vô hư phát, công đức đờng quyên”. Đó là gì? Đó là nói về người hoằng pháp. Pháp Tạng Bồ Tát đã làm gương cho chúng ta, mong chúng ta học ngài. Lấy tâm vô lượng, chính là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, phát vô lượng nguyện, chỉ vì một sự việc này. Tất cả đều thành Phật chính là vì điều này. Thành tâm thành ý giúp tất cả chúng sanh viên thành Phật đạo. Như vậy được chăng? Được, rất được. Chính là bộ kinh này, chính là pháp môn này và luôn trì danh niệm Phật. Tự mình làm cho chúng sanh thấy. Cần phải phát nguyện này ngay trong cuộc sống hằng ngày. Bất luận là rảnh rỗi hay bận rộn, mỗi niệm đều không rời Phật, đó chính là khởi vô lượng tâm.

Niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Đây là một pháp môn không chướng ngại. Đại chúng thích nghe thì ta niệm lớn tiếng, trong đó có người không thích thì ta niệm thầm. Chỉ niệm trong tâm không niệm ra tiếng. Gọi là kim cang trì, tức miệng niệm nhưng không ra tiếng. Nếu có người nhìn thấy mà chê bai là miệng động, không thích nhìn thấy như vậy thì ta niệm thầm, niệm trong tâm. Bên ngoài không nhìn thấy. Thuận theo chúng sanh, tu tùy hỷ công đức. Dem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho những chúng sanh này, nguyện tam bảo gia hộ cho họ. **Khiến họ sớm ngày giác ngộ, sớm ngày quay đầu. Năng tín, năng giải, năng nguyện, năng hành. Phải thật sự có tâm này mới thật sự khởi cảm ứng tác dụng, tất cả đều gọi là chân như pháp giới.**

Chân như pháp giới chính là tự tánh, niệm niệm tương ưng với tự tánh trí huệ đức năng.

Một niệm vừa mới sanh thì chư Phật Bồ Tát trong biến pháp giới hư không giới đều nhận được thông tin này. Ý niệm vừa mới động liền chu biến pháp giới. Điều này trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán quốc sư Hiền Thủ đã nói với chúng ta. Các ngài vừa tiếp nhận được thông tin liền có sự đáp trả. Tin tức chúng ta phát ra là cảm, chư Phật Bồ Tát lập tức liền có ứng. Ứng là gì? Xuất sanh vô tận. Tại sao chúng ta không nhìn thấy hiệu quả? Không nhìn thấy hiệu quả là vì nghiệp chướng của chúng sanh quá nặng. Cảm của chúng ta và ứng của chư Phật đều rất rõ ràng, nhưng thấy chúng sanh hình như không có chuyện gì. Đúng là nghiệp chướng của chúng sanh quá nặng, tình chấp quá sâu. Nên tin tức này đã đến bên họ, nhưng vì họ mê liệt nên không có phản ứng chứ không phải không đến. Tin tức như vậy từng giờ từng phút giống như sóng quang, sóng âm thanh, làn song này đánh vào nghiệp chướng sâu nặng của chúng sanh. Đã phát khởi hiệu quả, giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng. Thật sự có lợi ích.

Nếu giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng mà nghiệp chướng của họ vẫn nặng, như vậy tức là nghiệp chướng của họ quá nặng. Nên phải giúp họ tiêu nghiệp mỗi ngày. Nhưng có một số chúng sanh, hàng ngày đều đang tạo nghiệp. Chúng ta giúp họ tiêu nghiệp không bằng nghiệp mà họ tạo ra, nên mấy năm hay mấy mươi năm cũng không thấy được hiệu quả. Đạo lý là ở chỗ này. Nếu thật sự hiểu, thật sự thấu triệt sẽ không nản chí. Cửa Phật từ bi không bỏ một ai, vĩ đại biết bao!

Tuy chúng sanh quay lưng lại với chư Phật Bồ Tát, nhưng Chư Phật Bồ Tát vẫn không từ bỏ dù trong một niệm. Chư Phật Bồ Tát biết chúng ta vốn là Phật, bây giờ mê muội nên như vậy. Đợi đến khi nào giác ngộ thì lòng cảm ân mới hiện tiền. Lúc đó sẽ siêng năng tu hành và sẽ vãng sanh chứng quả.

Nhất nhất gọi là chân thật, hai chữ này rất quan trọng, nó tương ưng với chân như. Nên nguyện này không phải là hư ngụy, công đức này không phải hư dối. Công là công đức, công đức không mất đi. Pháp Tạng Bồ Tát như vậy, chúng ta cũng như vậy. Nếu chúng ta tương ưng với phiền não thì công đức sẽ mất đi. Chỉ lưu lại điều gì? Lưu lại phước đức. Quả báo của phước đức trong lục đạo. Phước báo lớn thì ở trên trời, còn phước báo ít thì ở nhân gian, ít hơn nữa là ở ác đạo. Tuy đọa vào ác đạo nhưng họ không chịu tội.

Quý vị thấy, chúng ta nhìn thấy rất nhiều gia đình nuôi thú cưng. Thú cưng là súc sanh. Tuy đọa làm thân súc sanh nhưng nó rất hưởng phước. Phước báo của nó còn hơn cả con người. Cả nhà nuôi thú cưng, người trong nhà không hoà thuận nhưng đối với thú cưng thì ai cũng yêu thương. Đó chính là phước báo của nó. Chăm sóc nó còn chu đáo hơn cả chăm sóc con người. Tôi thấy chăm sóc còn chu đáo hơn cả cha mẹ họ, chu đáo hơn cả con cái họ. Con vật đó có phước báo rất lớn. Quả báo này là do tu phước mà không tu huệ chiêu cảm nên. Chúng ta tu hành cũng phải đặc biệt chú ý, không nên để đời sau biến thành súc sanh để người ta chăm sóc như các con thú cưng. Trên thực tế những chuyện này rất nhiều, có những trường hợp này.

Nhất định phải đặt “huệ” ở vị trí thứ nhất, hãy buông bỏ phước. Tôi cần trí huệ, tôi không cần phước báo. Trí huệ khiến con người giác ngộ, còn phước báo khiến con người mê hoặc. Cho nên trong Phật pháp thường gọi phước là “si phước”. Phước báo lớn thì họ mê hoặc. Gặp được Phật pháp họ không tin, cho rằng đây là mê tín. Họ không thể tiếp nhận. Nên Bồ Tát tâm chánh, hành vi chánh có thể khiến vô lượng chúng sanh, cũng gọi là pháp giới, cũng có thể tương ứng với pháp giới. Pháp giới là tự tánh, là chân như pháp giới. Mặc dù không thể trực tiếp tương ứng, nhưng cũng gián tiếp tương ứng. Thật không thể nghĩ bàn. Nên họ cũng đã phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm, tâm này tức là chân như bản tâm.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch thành chữ Hán có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trước nói đến chánh giác là tam bồ đề tâm. Tam bồ đề là phạm ngữ, dịch thành chữ Hán chính là Chánh Giác. Người thế gian có giác ngộ chăng? Chẳng thể nói họ không có giác ngộ. Đức Phật nói họ tuy có giác ngộ, nhưng giác ngộ của họ không chánh. Đối với Đức Phật tiêu chuẩn của chữ chánh này là gì? Chúng ta cần phải hiểu rõ ràng. Đối với Đức Phật tiêu chuẩn của chữ chánh này là buông bỏ phiền não. Giai đoạn thứ nhất gọi là kiến tư phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm gọi là chấp trước. Chấp trước chính là kiến tư phiền não.

Nếu buông bỏ hết chấp trước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian, thì giác này gọi là chánh giác. Thế gian có người giác ngộ và người có trí huệ rất nhiều, nhưng họ chưa thực sự buông bỏ kiến tư phiền não. Cũng chính là nói họ chưa buông bỏ chấp trước. Họ còn chấp trước thân này là tôi. Họ còn chấp trước có thật có giả, có thiện có ác, có lợi có hại, có phải có trái. Vẫn còn chấp trước những điều này, những điều này không phải là chánh giác. Vì sao? Bởi có những chấp trước này thì tâm không thanh tịnh. Những chấp trước này

buông bỏ thì tâm được thanh tịnh. Người đó là ai? Đó là A la hán, Bích chi Phật. Họ hoàn toàn đoạn tận kiến tư phiền não, phục hồi tâm thanh tịnh. Đây gọi là tam bồ đề tâm. Tâm thanh tịnh là chân tâm không phải vọng tâm.

Lên cao hơn nữa là Tam miếu tam bồ đề. Tam miếu là chánh đẳng, chánh đẳng ngang bằng với Phật. Đương nhiên còn chưa thành Phật, chỉ mới ngang bằng Phật, là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng những không còn chấp trước, mà phân biệt cũng không còn. Nói cách khác A la hán, Bích chi Phật vẫn còn phân biệt nhưng không còn chấp trước. Bồ Tát thì đến ý niệm phân biệt cũng không còn, không còn khởi nữa.

Nửa sau của Kinh Kim Cang là nói về Bồ Tát, còn ở trước là nói về A la hán. Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Họ đã phá bốn tướng. Nửa sau của kinh Kim Cang nói phá tứ kiến. Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến. Kiến là gì? Là ý niệm. Ý niệm đều không còn nữa. Cao hơn so với A la hán.

Trên đề kinh này, được tâm thanh tịnh là A la hán, được tâm bình đẳng là Bồ Tát. Có phân biệt tức là không bình đẳng, phân biệt không còn là chân thật bình đẳng. Lên cao hơn nữa đó là thêm A Nậu Đa La. A Nậu Đa La là tiếng phạn, dịch thành chữ hán có nghĩa là Vô Thượng_Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quả vị này ai chứng được? Như Lai chứng được, là những gì Phật chứng được. Gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Phát tâm như vậy, nhất định không còn khởi tâm động niệm và buông bỏ hết phân biệt chấp trước. Trong cuộc sống hằng ngày từng giờ từng phút đều đề cao cảnh giác, tại sao tôi chưa buông bỏ? Tôi cần phải buông bỏ. Từng giờ từng phút nhắc nhở chính mình, nên y theo việc mà làm. Buông bỏ không phải nói là không làm việc, như vậy là sai. Nếu không làm việc thì Đức Thế Tôn không cần giảng kinh. Giảng kinh không phải là làm việc sao? Ngài đã giảng suốt 49 năm, vẫn y theo việc để làm nhưng trong tâm không có chút dấu tích nào của sự chấp trước.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp cho mọi người. Trong tâm ngài có chấp trước chẳng? Không có. Có phân biệt chẳng? Không có. Có khởi tâm động niệm chẳng? Không có. Không có làm sao thuyết pháp được? Giống như ở trước đã nói, bảo vật trong tay ngài tự nhiên hiển lộ ra vô lượng vô biên vô tận vô số diệu bảo. Ngài dạy cho chúng ta là diệu bảo, pháp bảo. Nó tự nhiên hiển lộ ra tùy theo trình độ của chúng ta. Chúng ta có thể lý giải được bao nhiêu, thì ngài sẽ giảng đến chỗ vừa thích hợp

với sự lãnh hội của chúng ta. Cảnh giới tôi cao hơn một tầng, ngài cũng sẽ giảng vừa đúng với căn cơ của tôi.

Chúng ta mỗi ngày đều nghe ngài giảng kinh, mỗi ngày đều được nâng cao và mỗi ngày đều nghe được những điều thích hợp với trình độ của mình. Nên được pháp hỷ sung mãn, an vui không gì sánh bằng. Mỗi ngày đều có chỗ ngộ, là tiểu ngộ. Mỗi năm đều có chỗ ngộ, là đại ngộ. Mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm là đại triệt đại ngộ. Như vậy sao lại không an vui? Người thế gian không hiểu được vấn đề này. Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch. Tôi tin rằng suốt đời của họ chỉ truy cầu điều này, ngoài ra đều không quan trọng nữa. Vì sao? Những điều này có thể mang theo, còn tất cả các pháp thế gian không thể mang theo được.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là mang theo được. Đây chính là đạo lý trong kinh giáo, là phương pháp trong kinh giáo, là lợi ích trong kinh giáo và kinh nghiệm trong kinh giáo ta đều có thể mang theo. Chỉ có những thứ này là thật. Tâm này sẽ tương ứng với chân như bốn tánh. Phẩm Tích Công Luỹ Đức này nội dung rất phong phú, nhưng chúng ta chỉ học đến đây thôi. Chúng ta xem tiếp phẩm thứ chín ở dưới.

“Viên Mãn Thành Tựu Đệ Cửu”. Quý vị xem sau tích công luỹ đức thì tiếp đó chính là viên mãn thành tựu. Phẩm thứ chín có tựa đề là Viên Mãn Thành Tựu. Từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám nói rõ về hạnh nguyện của Pháp Tạng đại sĩ lúc còn ở nhân địa. Phẩm thứ sáu là đại nguyện, phát nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát. Phẩm thứ bảy thứ tám là đại hạnh của Pháp Tạng Bồ Tát. “Tùng bốn phẩm khởi”, là bắt đầu từ phẩm thứ chín, chính là quả đức thành tựu. Có nhân nhất định có quả báo. Có nhân thù thắng không thể nghĩ bàn, đương nhiên sẽ có quả đức thành tựu thù thắng không thể nghĩ bàn. Nội dung của phẩm thứ chín này có ba, đây là ba đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là Phật tán thán Pháp Tạng Bồ Tát nhân viên quả mãn. Điều này nên chúc mừng ngài, ngài đã thành tựu. Đoạn thứ hai là A Nan khởi vấn. Đoạn thứ ba là Thế Tôn chánh đáp. Chúng ta thấy ở đây một người vấn một người đáp, đối với đạo lý về nhân hành quả đức sẽ càng sâu sắc. Nên biết chúng ta muốn phát tâm tu nhân, quả báo nhất định giống như đức Phật vậy.

Chúng ta xem kinh văn. “Phật cáo A Nan, Pháp Tạng tỳ kheo tu Bồ Tát hạnh, tích công luỹ đức, vô lượng vô biên, ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại”. Đây chính là quả báo. “Phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri”. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Đức Thế Tôn tổng kết đoạn văn trước, khen ngợi Tỳ Kheo Pháp Tạng tu đạo hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát, tích luỹ vô lượng

vô biên các loại công đức, nên đối với tất cả pháp đều được tự tại. “*Thế Tôn tự xưng ngã vi pháp vương, u pháp tự tại. Kim dĩ thử ngữ tán nhân địa chi Pháp Tạng, nãi tán thán chi cực dã*”. Chúng ta xem trước đoạn này.

Trong phẩm thứ hai của kinh này. Phẩm thứ hai vẫn là phần tựa, trong phần ba vẫn là phần tựa đều đã hiển thị rõ ràng cho chúng ta thấy “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ Chi Đức*”. Đây chính là nói rõ pháp môn Tịnh độ, Đức Phật Di Đà của Tịnh độ là nhất thừa đại pháp. So với đại thừa còn thù thắng hơn. Đại thừa là Bồ Tát thừa, tiểu thừa là thanh văn thừa. Nhất thừa là Phật thừa, là một Phật thừa. Tức là trên cả đại thừa.

Thời đại Tuỳ Đường là thời đại hoàng kim của Phật giáo Trung quốc. Cả đại thừa và tiểu thừa có mười tông phái đều kiến lập vào thời đại đó. Những vị khai sáng tông phái, các bậc tổ sư này đều là người tu hành chứng quả chứ không phải là người thường. Chính trị trong sạch sáng suốt thì chúng sanh có phước. Tất cả Chư Phật Bồ Tát đều giảng lâm ứng hoá ở Trung quốc, đem đến cho Trung Quốc một thời đại Phật pháp thanh thế. Các bậc tổ sư này hầu như đều công nhận tất cả pháp mà Đức Thế Tôn đã giảng trong suốt 49 năm. Nhất thừa chỉ có ba bộ kinh là nói cho ta về một đời thành Phật. Thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là Pháp Hoa, thứ ba là Phạm Võng.

Kinh Phạm Võng không truyền đến Trung quốc, Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm có truyền đến. Kinh Phạm Võng chỉ có một phẩm là Bồ Tát tâm địa giới phẩm. Toàn kinh không truyền đến, chỉ có một phẩm này. Kinh Pháp Hoa và Hoa nghiêm đến cuối cùng đều quy hướng về Tịnh độ. Kinh Hoa Nghiêm là rõ ràng nhất. Quý vị thấy cuối cùng, tham bái lần thứ 53 của Thiện Tài là Văn Thù Phổ Hiền thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Đạo quy Cực lạc chính là quy về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là địa vị gì? Nhất thừa của nhất thừa. Đây cũng chính là các bậc tổ sư nói, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa dẫn dắt chúng ta nhập vào Di Đà tịnh độ. Dẫn dắt chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Câu nói này của chư vị tổ sư tôi có một sự đồng cảm sâu sắc.

Vì sao? Tôi tin Tịnh Độ là từ khi biết kinh Hoa Nghiêm. Từ Hoa Nghiêm, từ Pháp Hoa, từ Lăng Nghiêm. Ba bộ kinh lớn này dẫn dắt tôi quy hướng về Tịnh độ. Quy y pháp môn Tịnh Độ thật không dễ! Nên người tu Tịnh độ chính là tu Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc toàn là tu đại hạnh Phổ Hiền. Đây là các bậc cổ đức nói, Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền không thể viên thành Phật đạo, họ không thành Phật được. Nên Bồ

Tát đại thừa đến cuối cùng nhất định phải tiếp nhận giáo huấn của Bồ Tát Phổ Hiền, mới có thể viên mãn thành tựu.

Làm sao để viên mãn thành tựu? Phổ Hiền Bồ Tát lãnh đạo mọi người đến thế giới Cực Lạc để thành tựu. Quý vị nghĩ xem thù thắng biết bao! Phật pháp nói vô lượng trang nghiêm, vô cùng trang nghiêm. Chúng ta hiểu được điều này, thật sự lãnh hội được cảnh giới này mới nhất tâm quy y Tịnh độ. Phải thật sự hiểu và thật sự minh bạch.

Trước đây thầy Lý đưa bộ kinh này cho tôi, tôi liền dừng lại không giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó Kinh Hoa Nghiêm mới giảng một nửa. Bát thập Hoa Nghiêm giảng một nửa, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng một nửa như vậy. Phía sau tôi không giảng nữa, mà phát tâm suốt đời này chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ. Nên Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng mười lần, lần này là lần thứ 11.

Vì sao? Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất hay. Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà tức là tiểu bản Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm chính là đại bản Kinh Vô Lượng Thọ. Đối với những lời ông ta nói tôi hoàn toàn thừa nhận không có chút hoài nghi nào. Giảng bộ kinh này chính là giảng Hoa Nghiêm, là giảng tinh hoa trong kinh Hoa Nghiêm, là nói đến phần quan trọng nhất trong kinh Hoa Nghiêm. Nếu không phải cô Phật tử Hàn trước khi lâm chung khởi thỉnh, thì tôi sẽ không còn giảng kinh Hoa Nghiêm. Lần thứ hai giảng kinh Hoa Nghiêm là báo ân hộ trì 30 năm của cô Hàn. Cô có nguyện vọng là hy vọng giảng hoàn thành viên mãn kinh Hoa Nghiêm, lưu lại một bộ đĩa cho người đời sau làm tham khảo.

Hoàng Niệm Tổ khi còn tại thế cũng trực tiếp thảo luận vấn đề này, hy vọng tôi giảng đại kinh một lần. Sớm nhất là pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam. Pháp sư này rất từ bi, ngài đã vãng sanh. Trước khi vãng sanh, mỗi lần gặp tôi đều hy vọng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi hỏi pháp sư vì sao? Pháp sư nói có thể sau này không có ai giảng bộ kinh này nữa. Tôi hiểu ý thầy. Có nhân duyên thù thắng như thế, cả ba vị đều quan tâm như vậy, nên tôi mới bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ hai. Lần thứ hai giảng Hoa Nghiêm tương tột hơn rất nhiều so với lần trước, cảnh giới không giống như trước. Nên bộ kinh Hoa Nghiêm này rất quan trọng. Cực Lạc với Hoa Tạng là một không phải hai.

Duy chỉ có tu Phổ Hiền thập nguyện mới có thể tích lũy vô lượng vô biên chủng chủng công đức. Mười nguyện nên phải thực hành.

“Lễ kính Chư Phật” là cung kính tất cả. Chẳng những là tất cả mọi người mà tất cả chúng sanh. Chúng sanh bao gồm cả hữu tình, đối với cây cỏ hoa lá, đối với sơn hà đại địa và đối với tất cả pháp không có gì là không cung kính. Đều chân thành cung kính.

“Xung tán Như Lai” là thiện pháp, tương ưng với tánh đức. Người ác hành thiện pháp cũng phải khen ngợi họ. Họ làm việc ác không tán thán nhưng hành thiện thì nên tán thán. Điều đó là giúp họ quay đầu, giúp họ cải tà quy chánh, giúp họ đoạn ác tu thiện. Bồ Tát Phổ Hiền đã dạy như thế.

“Quảng tu cúng dường” là không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước. Bình đẳng cúng dường, chân thành cúng dường. Quyết định không cầu phước báo. Nói cách khác là cúng dường vô điều kiện. Đây mới gọi là xung tán. Trong cúng dường có cầu quả báo, cầu đáp trả, đó là phước báo chứ không phải công đức. Điều này ta cần phải hiểu. Phước báo là luân hồi trong lục đạo, không thể vượt ra khỏi lục đạo. Tôi không cần phước báo, không cần người ta đền trả. Công đức này có thể giúp ta vượt ra khỏi lục đạo, giúp ta vượt ra khỏi mười pháp giới.

“Sám hối nghiệp chướng” là từ vô thủy kiếp đến nay đời này sang đời khác, trước khi chưa nghe Phật pháp, làm sao tránh khỏi tạo nghiệp! Ngày nay chúng ta suy nghĩ kỹ càng, tự mình cố gắng phản tỉnh. Tự mình có tạo tội nghiệp của địa ngục A Tỳ hay không? Có tạo tội nghiệp vô gián địa ngục chăng? Không nên để ý đến người khác, chỉ nên hỏi chính mình. Nếu có, quý vị có sợ hãi chăng? Quý vị có sợ nỗi khổ của địa ngục chăng? Doanh Kha pháp sư chính là vì sợ khổ địa ngục, ngài thật sự quay đầu, thật sự sám hối. Nhất tâm niệm Phật. Nếu không phải là tâm chân thật khẩn thiết, thì làm sao có thể niệm Phật suốt ba ngày ba đêm không ngủ không nghỉ. Đức Phật nói với pháp sư, ông còn mười năm ở dương gian tức là còn mười năm thọ mạng. Đợi đến lúc mạng chung, Đức Phật sẽ đến đón.

Pháp sư có trí huệ, tự biết rằng nghiệp chướng rất nặng. Không chịu được mê hoặc. Sự hấp dẫn của ngũ dục lục trần ở ngay trước mắt, không phải lại phạm tội nữa sao? Thời gian mười năm đó không đáng sợ sao! Đây là điều ngài thật sự đã giác ngộ. Ngài thưa với đức Phật, tuổi thọ mười năm ở dương thế con không cần nữa, ngay bây giờ con sẽ đi cùng ngài. Đây là quyết định có trí huệ. Đức Phật nhận lời và ngài nói, ba ngày sau ta sẽ đến đón ông. Đúng ba ngày sau, không hề bị bệnh ngài liền được vãng sanh. Câu chuyện này được ghi chép trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục, trong Vãng Sang Truyện cũng có. Những câu chuyện này là tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

Tạo tội nghiệp vô gián địa ngục như pháp sư Doanh Khả, niệm Phật ba ngày có thể sám hối tất cả. Nếu nghiệp chướng của ông chưa sám hối được, thì đức Phật không thể gặp ông, vì ông có chướng ngại. Khẳng định nghiệp chướng đã sám trừ, nên đức Phật mới xuất hiện. Cũng chứng minh những gì trong Kinh Di Đà nói, nếu một ngày hai ngày ba ngày cho đến bảy ngày chân thật không hư dối, hoàn toàn không phải giả. Những chân tướng sự thật về đạo lý này thật sự đã thấu triệt, thì bất cứ là thiên tai gì trong thế gian đều không chút sợ hãi. Vì sao? Chúng ta có đủ thời gian để gặp Phật. Có đủ thời gian để Phật đến dẫn chúng ta về thế giới Cực Lạc. Đây là thật hoàn toàn không phải giả. Sống ở thế gian này một ngày cũng chẳng thể không đọc bộ kinh này. Kinh này giúp chúng ta giải quyết rất nhiều nghi nan tạp bệnh. Giúp chúng ta kiến lập lòng tin chân chánh và khởi phát đại nguyện cầu sanh Tịnh độ

Chỉ có tích lũy vô lượng vô biên công đức mới có thể đạt được tự tại đối với tất cả pháp. Câu này nghĩa là sao? Câu nói này chính là viên mãn thành Phật. Không phải viên mãn thành Phật thì đối với tất cả pháp làm sao có thể được đại tự tại? Bộ kinh này là bộ kinh thứ nhất một đời viên mãn thành tựu. Chấp trì danh hiệu là phương pháp duy nhất để một đời viên mãn thành tựu. Nếu từ sáng đến tối không niệm liên tục câu Phật hiệu này, cứ nghĩ này nghĩ nọ là sai! Nên buông bỏ, buông bỏ tất cả.

Đức Thế Tôn tự xưng “Ngã vi pháp vương, ư pháp tự tại”. Đây là ngài nói ra cảnh giới của chính mình. Chỉ có buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, mới có thể đối với các pháp đều tự tại. Đối với các pháp tự tại nên gọi là vua của các pháp. Vương tức là ví với sự tự tại. Các bậc đế vương trong thời cổ đại, trong quốc gia chỉ có ông ta đưa ra hiệu lệnh, mọi người đều phải nghe theo, còn ông ta không cần nghe bất cứ ai hết, đây gọi là tự tại. Nên vương có nghĩa là tự tại. Nếu ta đem chướng ngại này buông bỏ hết. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã buông bỏ thì không còn chướng ngại. Trong tất cả pháp của thế xuất thế gian đều được tự tại.

Trong đây có thông tin rất quan trọng, quý vị có hiểu chăng? Đối với pháp tự tại, tôi chưa từng đọc Tứ Thư Ngũ Kinh. Bây giờ tôi cảm đến, như vậy có thể tự tại chăng? Có thể. Thật ư? Thật. Có bằng chứng không? Có. Quý vị xem ngài Huệ năng, trong Pháp Bảo Đàn Kinh viết. Ngài Huệ Năng là người không biết chữ, chưa từng đi học. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, chưa một lần đến giảng đường, chưa một lần đến thiền đường. Suốt tám tháng đều ở trong bếp giã gạo bữa cử làm việc công việc nặng nhọc. Bây giờ gọi là làm công quả. Ngài đến phục vụ đại chúng, làm việc ở trong bếp. Sau khi khai ngộ, ngài đối

với pháp tự tại, được đại tự tại. Người ta đem kinh sách đến thỉnh giáo, ngài không biết chữ nên nói chúng ta đọc cho ngài nghe. Sau khi nghe xong ngài sẽ giải thích, không có điều gì ngài không hiểu. Ngài thông suốt tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Đây gọi là tự tại. Còn cần phải học sao? Không cần phải học.

Người thứ nhất được độ chính là tỳ kheo ni Vô Tận Tạng. Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng rất thán phục ngài, là người đầu tiên khai ngộ dưới sự giáo huấn của ngài. Cô ấy thọ trì Kinh Niết Bàn, cô đọc kinh Niết Bàn. Ngài Huệ Năng giảng kinh Niết Bàn cho cô, giảng đến cuối cùng cô khai ngộ. Mới đầu thì cô ấy hiếu kỳ đến thỉnh giáo Ngài Huệ Năng. Ngài không biết chữ làm sao mà giảng được, làm sao hiểu được nhiều như vậy? Ngài Huệ Năng nói, chuyện này với việc biết chữ không liên quan gì, với việc học hay không cũng không có liên quan. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đức Phật đã dạy: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Tâm với pháp là một thể. Chỉ cần ta kiến tánh thì chẳng đạo lý nào là không biết. Làm gì có chuyện không thấu triệt.

Ngày nay Đức Thế Tôn lấy cảnh giới của mình tán thán Pháp Tạng Tỳ Kheo. Vì Pháp Tạng khi còn ở nhân địa chưa thành Phật. Ngài dùng lời này để tán thán là tán thán đến cực điểm. Nhất thiết tự tại chính là tất cả đều vô ngại, cũng chính là tất cả đều viên thành, viên mãn thành tựu. Đối với những điều này trong đại thừa kinh giáo, có thể nói là chúng ta có hiểu, có nhận thức. Chỉ là công phu chúng ta chưa đủ, chứ không phải không biết. Sau khi thật sự hiểu rõ, thì tất cả đều buông bỏ. Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Tự tánh hoàn toàn hiển lộ, kiến tánh thành Phật. Trong đó khó nhất là buông bỏ khởi tâm động niệm_khó nhất. Đừng nôn nóng, nếu có thể làm được thì tức thân thành Phật. Làm không được thì đến thế giới Cực Lạc. Nếu buông bỏ phân biệt chấp trước, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì sẽ được sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Vừa đến liền được thành Phật. Vì sao? Bởi sẽ được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nên lập tức được minh tâm kiến tánh. Vì ta đã đến sát cảnh giới minh tâm kiến tánh, nên ngài vừa gia trì ta liền được kiến tánh. Chưa đạt được nhất tâm, nhưng Phật quang vừa chiếu liền được nhất tâm bất loạn. Công phu thành phiền thì được sự nhất tâm bất loạn. Khi sự nhất tâm bất loạn, thì lý lập tức cũng được nhất tâm bất loạn. Phật quang vừa chiếu đến kiến công phu chúng ta cao hơn gấp bội. Từ đó cho thấy, công phu tu tập chúng ta hiện nay là đang buông bỏ. Công phu không phải mỗi ngày niệm bao nhiêu danh hiệu Phật, đọc bao nhiêu bộ kinh, lạy Phật bao nhiêu lạy, không phải như vậy. Công phu ở chỗ buông xả.

Sau khi buông bỏ là ta dùng chân tâm, tâm chân thành tâm niệm Phật. Lúc đó câu Phật hiệu sẽ rất hữu hiệu. Một câu Phật hiệu là liên kết được với Phật. Người không buông bỏ, thì dù niệm như thế nào cũng không liên kết được. Giống như đường dây điện thoại bị gián đoạn, không cách nào kết nối được. Ngài Ấn Quang nói một phần thành kính chính là một phần kết nối thông suốt. Mười phần thành kính đó là kết nối viên mãn. Buông bỏ thì tâm chân thành mới hiện tiền, không buông bỏ tâm chân thành không thể hiện tiền. Chúng ta phải biết được đạo lý này. Phải đem nó vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, công phu của chúng ta sẽ thêm sức mạnh. Thiên tai như thế nào cũng không quan tâm, đối với ta không sao cả. Quý vị nói tự tại biết bao.

Đây là lần đầu tiên chúng ta chia sẻ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa, các bạn đồng học có duyên không nên bỏ lỡ. Bỏ lỡ thì thật đáng tiếc. Nắm chắc cơ hội, trong đời này nhất định thành tựu. Then chốt chính là buông bỏ vạn duyên, không nên chấp trước nữa. Bắt đầu từ đây hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trong Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng chính là buông bỏ phân biệt chấp trước. Tùy duyên chính là diệu dụng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 306